

Bản án số: 99/2025/HS-ST
Ngày 13/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Sự.

Bà Vương Ánh Ngân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 432/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 468/2025/HSST-QĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 04/7/1980; tại: C, T, Bắc Ninh.

Nơi thường trú/Nơi ở hiện tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh;

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Trần Văn N (sinh năm 1942); Con bà: Đỗ Thị L (sinh năm 1942); Vợ: Phạm Thị L1 (sinh năm 1982); Con: có 04 con (sinh năm 2000, 2003, 2010 và 2024); Anh chị em ruột: Gia đình có 05 anh, chị, em, bị cáo là con thứ tư;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 28/9/2022 bị TAND tỉnh Bắc Ninh tuyên xử phạt số tiền 250.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo Bản án số

111/2022/HS-ST đến ngày 03/01/2025 chấp hành xong hình phạt;

Nhân thân: Ngày 05/9/2014, Công an thị xã T (nay là Công an thành phố T), tỉnh Bắc Ninh xử phạt hành chính theo Quyết định số 76/QĐXPHC về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác, số tiền phạt là: 2.500.000 đồng;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C nhận được Công văn số 372/CHS-CCTQHO ngày 03/7/2024 của Chi cục thuế huyện Q, tỉnh Cao Bằng về việc: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) sản xuất và kinh doanh thương mại T5 (sau đây gọi tắt là Công ty T); Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty H); Công ty TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty T) sử dụng hoá đơn bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hoá đơn, có dấu hiệu mua bán trái phép hóa đơn. Ngày 10/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra thụ lý nguồn tin về tội phạm. Quá trình điều tra xác minh, làm rõ hành vi vi phạm đối với 03 công ty nêu trên; đến ngày 06/9/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị cáo đối với Trần Văn T về tội Mua bán trái phép hoá đơn, quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, xác định:

Trần Văn T (Sinh ngày 04/7/1980; trú tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh) đăng ký thành lập 03 Công ty: Công ty T; Công ty H; Công ty T, có cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Trần Văn T trực tiếp đứng tên Giám đốc Công ty T; T thuê Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1975; Trú tại: phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh) đứng tên Giám đốc Công ty T và thuê Lưu Quang Đ (sinh năm: 1972, Trú tại: Khu phố Đ, phường C, T, tỉnh Bắc Ninh) đứng tên Giám đốc Công ty H.

Quá trình hoạt động, các công ty do Trần Văn T thành lập đã phát sinh hoá đơn mua vào, bán ra rất lớn, không phù hợp với quy mô vốn điều lệ của các công ty, cụ thể như sau:

** Đối với Công ty TNHH S (Công ty T):*

Mã số thuế: 4800934006, hoạt động từ ngày 20/9/2023, ngành nghề kinh doanh chính là: Buôn bán kim loại và quặng kim loại. Đến hết tháng 6/2024,

công ty đã phát sinh 209 số hoá đơn mua vào với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là: 487.384.190.986 đồng đã bao gồm thuế VAT; Phát sinh 283 số hoá đơn bán ra với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là: 431.728.880.660 đồng đã bao gồm thuế VAT. Các công ty xuất hoá đơn cho Công ty T gồm: Công ty TNHH Đ (ĐTXD & TMDV) Cường Thịnh, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH T, Công ty TNHH T, vận tải và dịch vụ Ngọc T2 (đều đăng ký thành lập tại tỉnh Lạng Sơn). Hoá đơn đầu ra xuất cho các công ty: Công ty Cổ phần Đ1 (địa chỉ: P, Thái Nguyên), Công ty TNHH H (địa chỉ: Sông C, Thái Nguyên), Công ty TNHH T (địa chỉ: Sông C, Thái Nguyên), Công ty TNHH T (địa chỉ: Đ, Hà Nội), Công ty T, Công ty H.

* Đối với Công ty TNHH S (Công ty H):

Mã số thuế: 4800932721, hoạt động từ ngày: 11/01/2023, ngành nghề kinh doanh chính là: Buôn bán kim loại và kim loại quặng... Đến hết tháng 6/2024, công ty đã phát sinh 216 số hoá đơn mua vào với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là: 629.612.277.410 đồng đã bao gồm thuế VAT; Phát sinh 355 số hoá đơn bán ra với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là: 496.598.837.362 đồng đã bao gồm thuế VAT. Các công ty xuất hoá đơn cho Công ty H gồm: Công ty T, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH T, vận tải và dịch vụ Ngọc T2 (cùng có địa chỉ tại Lạng Sơn), Công ty TNHH S, Công ty TNHH S (cùng có địa chỉ tại T, Bắc Ninh) và Công ty T. Hoá đơn đầu ra xuất cho các công ty: Công ty Cổ phần Đ1 (địa chỉ: P, Thái Nguyên), Công ty TNHH B (địa chỉ: C Mỹ, Hà Nội), Công ty TNHH Đ (địa chỉ: H, Hà Nội), Công ty TNHH H (địa chỉ: Hồ N, thành phố Hải Phòng), Công ty TNHH H (địa chỉ: Sông C, Thái Nguyên), Công ty TNHH S (địa chỉ: Y, Bắc Giang), Công ty TNHH S – Bắc Giang, Công ty TNHH T (địa chỉ: Sông C, Thái Nguyên), Công ty TNHH V (địa chỉ: H, Hà Nội) và Công ty TNHH S, Công ty TNHH V (cùng địa chỉ tại Vĩnh Phúc).

* Đối với Công ty TNHH D(Công ty T): Mã số thuế: 4800933524, hoạt động từ ngày 22/6/2023, ngành nghề kinh doanh chính: Buôn bán kim loại và quặng kim loại.... Đến hết tháng 6/2024, công ty đã phát sinh 188 số hoá đơn mua vào với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là: 568.637.270.542 đồng đã bao gồm thuế VAT; Phát sinh 219 số hoá đơn bán ra với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là: 546.317.308.900 đồng đã bao gồm thuế VAT. Các công ty xuất hoá đơn cho Công ty T gồm: Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH T, vận tải và dịch vụ Ngọc T2 (cùng có địa chỉ tại Lạng Sơn), Công ty T. Hoá đơn đầu ra xuất cho các công ty: Công ty TNHH Đ (địa chỉ: H, Hà Nội), Công ty H.

- Tổng số hóa đơn mua vào của cả ba công ty trên là: 613 hoá đơn, với tổng số tiền ghi trên hoá đơn đã bao gồm thuế VAT là: 1.685.633.738.938 đồng

(một nghìn sáu trăm tám mươi năm tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn chín trăm ba mươi tám đồng);

- Tổng số hóa đơn bán ra của cả ba công ty là: 857 hoá đơn, với tổng số tiền ghi trên hoá đơn đã bao gồm thuế VAT là: 1.524.304.910.659 đồng (một nghìn năm trăm hai mươi bốn tỷ ba trăm linh bốn triệu chín trăm mười nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng).

Xác định các công ty trên đều có kê khai thuế Giá trị gia tăng (sử dụng hoá đơn điện tử) đối với hoạt động mua vào, bán ra các loại hàng hoá là sắt, thép phế liệu. Trần Văn T thuê 01 phòng trọ tại Tổ dân phố Đ, thị trấn T với Lưu Danh P (trú tại: Phường H, thành phố C) để đăng ký trụ sở các công ty, tiền thuê phòng trọ là: 800.000 đồng/tháng, định kỳ 6 tháng trả tiền một lần. Tại địa chỉ đăng ký chỉ treo biển công ty, không có người ở và cũng không có nhân viên làm việc và cũng không có thiết bị, phương tiện làm việc để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không có hợp đồng thuê nhà để làm trụ sở công ty.

Tiến hành xác minh trụ sở, văn phòng làm việc, kho bãi của các công ty bán hóa đơn đầu vào tại tỉnh Lạng Sơn, kết quả: Các công ty đăng ký, thành lập tại tỉnh Lạng Sơn xuất hóa đơn đầu vào cho công ty T, công ty H, công ty T không có trụ sở, văn phòng làm việc, không có hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại địa phương và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L cũng đang tiến hành điều tra, xác minh.

Xác minh tại phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh không có văn phòng, trụ sở Công ty TNHH S (mã số thuế: 2301230184), Công ty TNHH S (mã số thuế: 2301213703), không có hoạt động sản xuất, kinh doanh (không có cửa hàng, kho bãi...); Trần Thị Q (địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh) là Giám đốc Công ty TNHH S và Trần Văn H (là chồng của Trần Thị Q) là Giám đốc Công ty TNHH S không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra đã gửi giấy triệu tập cho Trần Văn H, Trần Thị Q nhưng Trần Văn H, Trần Thị Q không đến làm việc. Cơ quan điều tra phối hợp với Công an phường C đến nhà ở của Trần Văn H, Trần Thị Q giao giấy triệu tập để làm việc, nhưng Trần Thị Q, Trần Văn H không ở nhà, không rõ đi đâu.

Quá trình điều tra, Trần Văn T khai nhận thuê Nguyễn Thạc T3 (sinh năm 1981; Trú tại: Phố T, phường Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh) đăng ký thành lập các công ty: Công ty H, Công ty T, Công ty T để mua bán trái phép hóa đơn. Trong đó, T đứng tên giám đốc Công ty T; T thuê Lưu Quang Đ đứng tên giám đốc Công ty H, thuê Nguyễn Thị T1 đứng tên giám đốc Công ty T. Mỗi tháng T trả cho Đ và T1 mỗi người 10.000.000 đồng. T thuê Trần Thị L2 (trú tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh) để làm các giấy tờ như hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hoá, mỗi tháng T trả tiền cho L2: 6.000.000 đồng.

Khu phố Đ, phường C, thành phố T, Bắc Ninh có nghề truyền thống là nấu (luyện) thép từ sắt, thép phế liệu và buôn bán sắt, thép phế liệu. Hàng ngày có rất nhiều xe hàng sắt thép, thép phế liệu tập kết về Khu phố Đ, phường C rồi bán đi các nhà máy ở các khu vực lân cận. Do hàng hoá sắt, thép phế liệu khi tập kết về Khu phố Đ là không có hoá đơn nên không thể bán được cho các nhà máy sản xuất, chế biến thép và có rất nhiều người liên hệ tìm mua hoá đơn để hợp thức cho các xe hàng hoá sắt, thép phế liệu tập kết về Khu phố Đ. Nhiều người có nhu cầu mua hoá đơn nên T đăng ký thành lập ba công ty để mua hoá đơn và bán hoá đơn cho những người có nhu cầu về hoá đơn để hợp thức cho hàng hoá là sắt, thép phế liệu và T trực tiếp đưa các chủ hàng đến các công ty để bán hàng (sắt, thép phế liệu). Vậy nên, T đã thành lập ba công ty để mua bán trái phép hoá đơn.

T khai mua hoá đơn với một người tên là T3 ở Hải Phòng (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). T3 sử dụng các công ty đăng ký tại tỉnh Lạng Sơn, Bắc Ninh để xuất hóa đơn cho các công ty của T và thu tiền hóa đơn tương ứng với 1,1 % giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn (đã bao gồm VAT). Ban đầu T khai đã bán hoá đơn thu được số tiền tương ứng với 1,5% giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn đã bao gồm thuế VAT. Tuy nhiên, sau khi Cơ quan điều tra cho T kiểm tra lại các giao dịch chuyển tiền và tính tiền thu lợi bất chính thì T cho rằng số tiền thu lợi như vậy là quá lớn không phù hợp với số tiền mà T đã thu được, trước đây T đã khai như vậy là do T nhớ nhầm. T khai nhận lại chỉ thu được tiền hoá đơn tương ứng với 1,25 % (một phẩy hai mươi lăm phần trăm) giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn (đã bao gồm thuế VAT). T thu lợi được số tiền khoảng 500.000.000 đến 600.000.000 đồng.

Số tiền thu được: T đã sử dụng để trả tiền cho Lưu Quang Đ và Nguyễn Thị T1 mỗi người khoảng 06 tháng mỗi tháng 10.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả cho mỗi người là khoảng 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng); Trả cho Nguyễn Thạc T3 làm báo cáo thuế số tiền khoảng 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); Trả tiền cho Trần Thị L2 06 tháng, mỗi tháng 6.000.000 đồng, tổng cộng là 36.000.000 đồng; Trả tiền thuê phòng trọ và thuê đất tại Thị trấn T, huyện Q số tiền khoảng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Số tiền còn lại khoảng 200.000.000 đồng - 300.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng đến ba trăm triệu đồng), T đã sử dụng để phục vụ đi lại, ăn uống và chi tiêu hàng ngày cho cá nhân. Về lý do chỉ thu lợi được 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, T khai do vào khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2024, Chi cục thuế huyện Q yêu cầu giải trình, T không dám xuất hoá đơn bán ra và số lượng tồn kho còn hơn 100.000.000.000đ (một trăm tỷ đồng) nên T không thu được tiền.

Về người mua hoá đơn: T không nhớ cụ thể những người đã mua hoá đơn

với T là những ai do hàng ngày có nhiều xe hàng sắt, thép phế liệu của nhiều chủ hàng được chuyển đi bán vào các nhà máy. Để thanh toán được tiền các chủ hàng liên hệ với T để xuất hoá đơn cho các nhà máy, có chủ hàng liên hệ trực tiếp với T, có chủ hàng liên hệ với T qua trung gian. Đến khi hàng sắt, thép phế liệu các chủ hàng báo lại số lượng hàng hoá là bao nhiêu để T xuất hoá đơn để hợp thức và thu tiền hoá đơn.

Về dòng tiền: T khai nhận sau khi T xuất hóa đơn bán ra thì các công ty: Công ty Cổ phần Đ1, Công ty TNHH B, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH H, Công ty TNHH H, Công ty TNHH S, Công ty TNHH S – Bắc Giang, Công ty TNHH S, Công ty TNHH T, Công ty TNHH V, Công ty TNHH V... thanh toán tiền đến tài khoản của các công ty của T. Sau đó, tiền tiếp tục được chuyển đến các công ty Thành mua hoá đơn (Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH S, Công ty TNHH S...) rồi chuyển tiếp đến các tài khoản của Phạm Thị L1 (là vợ của Trần Văn T) để trả cho các chủ hàng. Tiền trả cho các chủ hàng bằng hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển khoản. Các tài khoản Phạm Thị L1 đã sử dụng gồm tài khoản số 0913296742 mở tại M1 và tài khoản số 4330530070 mở tại B. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh một số tài khoản nhận tiền từ tài khoản Phạm Thị L1 nhưng do tài khoản Phạm Thị L1 phát sinh rất nhiều giao dịch chuyển tiền với nhiều cá nhân ở nhiều địa phương khác nhau. Tiến hành ghi lời khai L1 trình bày trong đó có nhiều giao dịch vay mượn tiền của Phạm Thị L1, có giao dịch là thanh toán tiền mua bán hàng hoá (sắt, thép) của cá nhân Phạm Thị L1 phục vụ cho xưởng sản xuất của Phạm Thị L1. Do vậy, đến nay Cơ quan điều tra không xác định được giao dịch nào là giao dịch liên quan đến mua bán trái phép hoá đơn của Trần Văn T nên không xác định được chính xác những ai đã mua hoá đơn với Trần Văn T.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 29 tháng 03 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Cáo trạng số: 26/CT-VKSCB-P1 truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ

khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 đến 15 tháng tù.

- Bị cáo phải nộp lại số tiền 672.832 đồng là số tiền thu lợi bất chính chưa nộp đủ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng màu trắng, nhãn hiệu Iphone, loại Iphone 15 Pro, gắn số điện thoại: 0941828889, số IMEI 358197540321959, IMEI 2: 358197540521293, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động màu xanh, đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone, loại Iphone 11, gắn số điện thoại: 0936583585, số IMEI 1: 352509581624289, số IMEI 2: 352509581326679, đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy: 08 (Tám) con dấu tên, con dấu Công ty; 03 (ba) USB token đã qua sử dụng của 03 công ty.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng

khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản Bản tự khai; Biên bản ghi lời khai; Biên bản hỏi cung cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận:

Trần Văn T đã thành lập 03 (ba) công ty: Công ty T; Công ty H; Công ty T tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng nhưng không có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế mà chỉ để mua bán trái phép hoá đơn. Sau khi trừ các hoá đơn xuất nội bộ giữa các công ty do Trần Văn T thành lập, xác định Trần Văn T đã mua 612 số hoá đơn, với tổng số tiền ghi trên hoá đơn đã bao gồm thuế VAT là: 1.682.855.457.168 đồng (một nghìn sáu trăm tám mươi hai tỷ tám trăm năm mươi năm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi tám đồng); Trần Văn T đã bán 847 số hoá đơn với tổng số tiền ghi trên hoá đơn đã bao gồm thuế VAT là: 1.521.526.628.889 đồng (một nghìn năm trăm hai mươi một tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng); số tiền Trần Văn T thu lợi bất chính là: **507.672.832 đồng** (năm trăm linh bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm ba mươi hai đồng).

Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” với tình tiết định khung “*Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên*” và “*T4 lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến Ngân sách Nhà nước. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích mua bán trái phép hóa đơn để kiếm lời. vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích theo Bản án số 111/2022-HS-ST ngày 28/9/2022 của TAND tỉnh Bắc Ninh

tuyên xử phạt số tiền 250.000.000đ về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, ngày 03/01/2025 chấp hành xong hình phạt và 01 tiền sự đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo Quyết định số 76/QĐXPHC ngày 05/9/2014 của Công an thị xã T (nay là Công an thành phố T), tỉnh Bắc Ninh xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác, số tiền phạt là: 2.500.000 đồng

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn T có bố đẻ là Trần Văn N được Nhà nước tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, Huân chương kháng chiến hạng ba. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 507.000.000 đồng. Do đó, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Ngày 03/01/2025 Trần Văn T mới chấp hành xong hình phạt số tiền 250.000.000 đồng về Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo Bản án số 111/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh; bị cáo chưa được xóa án tích. Do đó, Trần Văn T bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo; vào nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự quy định: “3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn T.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần xử lý như sau: Vật chứng là điện thoại di động liên quan đến hành vi phạm tội thì tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước, liên quan

đến hành vi phạm tội thì trả lại cho bị cáo; Những vật chứng không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy;

Số tiền bị cáo Trần Văn T thu lợi bất chính là **507.672.832 đồng**. Cần phải truy thu để nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với Phạm Thị L1 là vợ của Trần Văn T được thực hiện các giao dịch chuyển tiền, rút tiền và ký các giấy tờ về việc mua bán hàng hoá theo chỉ đạo của Trần Văn T. Tuy nhiên Phạm Thị L1 không biết việc mua bán trái phép hoá đơn của Trần Văn T, không biết các giao dịch chuyển tiền đó liên quan đến hành vi mua bán trái phép hoá đơn.

Đối với Lưu Quang Đ và Nguyễn Thị T1 được Trần Văn T thuê đứng tên giám đốc các công ty do Trần Văn T đăng ký, thành lập và được ký các giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của T. Lưu Quang Đ và Nguyễn Thị T1 không biết việc Trần Văn T mua bán trái phép hoá đơn.

Đối với Nguyễn Thạc T3 không biết các giao dịch mua bán hàng hoá của Trần Văn T là có thật hay không, không biết việc mua bán trái phép hoá đơn của Trần Văn T.

Quá trình điều tra, xác định Phạm Thị L1, Lưu Quang Đ, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thạc T3 không được hưởng lợi gì, do vậy nhận thấy không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Thị L3: Ban đầu Trần Văn T có khai nhận bán hoá đơn cho Nguyễn Thị L3 và có giao dịch chuyển lại tiền cho Nguyễn Thị L3 nhưng sau đó T thay đổi lời khai. T khai những giao dịch chuyển tiền đó là tiền vay mượn, nhờ chuyển tiền giúp không liên quan đến việc mua bán trái phép hoá đơn. Tiến hành đấu tranh, Nguyễn Thị L3 khai không được mua hoá đơn với Trần Văn T, các hoá đơn do Trần Văn T xuất cho Công ty TNHH Đ là có hàng hoá thực tế chuyển đến kho bãi của công ty. Quá trình điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Thị L3. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục tiến hành xác minh và phối hợp với các Cơ quan điều tra các tỉnh có liên quan để thu thập tài liệu, chứng cứ, nếu có đủ căn cứ sẽ tiếp tục xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Trần Văn T khai nhận được mua hoá đơn với T3 có địa chỉ ở Hải Phòng (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể...), T3 sử dụng các công ty tại Lạng Sơn (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L cũng đang tiến hành điều tra, xác minh) và Bắc Ninh để xuất hoá đơn cho các công ty của T. Trần Văn T bán hoá đơn cho nhiều người có nhu cầu về hoá đơn để bán hàng vào các công ty sản xuất, chế biến thép ở Thái Nguyên, Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc... Hành vi mua bán trái phép hoá đơn của Trần Văn T liên quan đến nhiều địa bàn tỉnh

khác nhau và các đối tượng sử dụng căn cước công dân, chứng minh nhân dân của người khác thành lập công ty để mua, bán trái phép hoá đơn nên quá trình điều tra gặp nhiều khó khăn trong việc xác định đối tượng để làm việc, đấu tranh và thu thập tài liệu. Do vậy quá trình điều tra chưa xác định được người tên T3 và chưa xác định được cá nhân nào mua hoá đơn với Trần Văn T. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thực hiện trao đổi thông tin, phối hợp xác minh với Cơ quan điều tra, cơ quan chức năng các tỉnh, thành phố có liên quan để làm rõ đối tượng T3 và các đối tượng liên quan, nếu xác định được đối tượng và có đủ căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét mức đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị xử phạt Trần Văn T mức hình phạt tù 12 đến 15 tháng tù, và đề nghị xử lý các vấn đề khác trong vụ án là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Căn cứ Điểm d, đ Khoản 2 Điều 203; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/01/2025.

Truy thu số tiền bị cáo Trần Văn T thu lợi bất chính là 507.672.832 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 507.000.000 đồng (Trong đó: Số tiền 200.000.000đ bị cáo nộp đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại Phòng giao dịch số 8 thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Cao Bằng theo Ủy nhiệm chi ngày 14/4/2025; Số tiền 307.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000547 ngày 01/4/2025 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng). Bị cáo Trần Văn T còn tiếp tục phải nộp thêm số tiền 672.832 đồng.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử:

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại do Trần Văn T giao nộp, mở và niêm phong lại ngày 21/8/2024”. Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại tạm giữ của Trần Văn T ngày 10/9/2024, mở và niêm phong lại ngày 06/12/2024”. Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “03 (ba) con dấu công ty do Trần Văn T giao nộp ngày 10/9/2024”, M sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “03 (ba) con dấu tên do Trần Văn T giao nộp ngày 10/9/2024”. Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “03 (ba) USB Token do Trần Văn T giao nộp ngày 10/9/2024”, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 (hai) con dấu tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Trần Văn T, mở niêm phong và niêm phong lại ngày 06/12/2024”, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 88 ngày 28 tháng 4 năm 2025.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Cao Bằng;
- Phòng TT, KT&THA;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân Khánh